

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ban hành theo T.Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính : VNĐ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>5,152,296,211,691</b>	<b>4,837,002,006,608</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>2,549,383,714,215</b>	<b>1,947,090,450,986</b>
1. Tiền	111	VI.01	963,383,714,215	806,860,450,986
Trong đó :				
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán			820,050,893,489	695,231,794,713
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,586,000,000,000	1,140,230,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1,720,956,730,374</b>	<b>2,097,809,872,532</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	VI.02	1,889,330,236,185	2,292,163,797,759
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	VI.02	(168,373,505,811)	(194,353,925,227)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>870,899,115,162</b>	<b>784,596,795,412</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	VI.09	424,177,563,652	500,024,123,162
2. Trả trước cho người bán	132	VI.11	6,683,661,506	4,092,973,299
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	VI.09	111,485,566	7,317,649,764
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.09	498,477,479,718	339,346,884,820
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	VI.12	(58,551,075,281)	(66,184,835,633)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11,056,651,940</b>	<b>7,504,887,678</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7,676,625,813	5,092,189,783
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		65,848,471	119,318,128
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		263,780,523	464,966,248
4. Giao dịch mua bán lại TP chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3,050,397,133	1,828,413,519

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN ( 200=210+220+240+250+260+269)</b>	<b>200</b>		<b>3,298,530,203,278</b>	<b>3,143,873,895,267</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>140,588,978,738</b>	<b>145,252,092,780</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.05	21,168,359,277	24,094,347,697
<i>Nguyên giá</i>	222		96,062,955,706	96,015,355,706
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(74,894,596,429)	(71,921,008,009)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.07	119,420,619,461	121,157,745,083
<i>Nguyên giá</i>	228		156,277,513,279	156,277,513,279
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(36,856,893,818)	(35,119,768,196)
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản tư</b>	<b>240</b>	VI.06	<b>267,211,230,201</b>	<b>269,347,115,777</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		283,612,736,520	283,612,736,520
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(16,401,506,319)	(14,265,620,743)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2,810,195,140,970</b>	<b>2,646,569,834,634</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.03	1,455,229,548,436	1,216,460,435,248
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		954,085,712,044	1,056,730,351,972
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		954,085,712,044	1,056,730,351,972
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.02	548,616,990,000	548,616,990,000
5. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259	VI.02	(147,737,109,510)	(175,237,942,586)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>80,534,853,369</b>	<b>82,704,852,076</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.04	6,740,082,716	8,861,760,393
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		50,139,595,647	52,687,916,677
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	VI.08	17,482,911,796	14,982,911,796
4. Tài sản dài hạn khác	268		6,172,263,210	6,172,263,210
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN ( 270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>8,450,826,414,969</b>	<b>7,980,875,901,875</b>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>3,000,725,433,081</b>	<b>2,705,603,684,581</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2,985,400,943,766</b>	<b>2,677,707,415,060</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.10	161,101,895,136	357,728,021,077
2. Phải trả người bán	312		9,955,440,604	10,237,833,415
3. Người mua trả tiền trước	313	VI.14	99,361,073,750	99,049,773,750
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.15	41,116,546,712	18,718,850,445
5. Phải trả người lao động	315		17,922,140	53,077,997
6. Chi phí phải trả	316	VI.13	14,243,505,409	9,183,790,553
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.17	1,734,076,235,581	1,189,788,103,106
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	VI.16	851,243,655,394	911,725,652,287
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	VI.18	6,502,283,505	4,474,923,850
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		605,427,160	605,427,160
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		66,237,822,925	75,065,576,088
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		939,135,450	1,076,385,332
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15,324,489,315</b>	<b>27,896,269,521</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		452,051,185	743,715,145
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		14,872,438,130	27,152,554,376
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>VI.19</b>	<b>5,366,829,330,678</b>	<b>5,191,573,047,865</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5,366,829,330,678</b>	<b>5,191,573,047,865</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		3,537,949,420,000	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		344,944,356,378	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		(2,984,822,212)	(2,605,677,770)
4. Cổ phiếu quỹ	414		(89,246,186,000)	(89,246,186,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		289,383,181,436	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1,286,783,381,076	1,127,002,833,821
<b>C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>430</b>		<b>83,271,651,210</b>	<b>83,699,169,429</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400+430)</b>	<b>440</b>		<b>8,450,826,414,969</b>	<b>7,980,875,901,875</b>

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chi có giá nhận giữ hộ nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký	006		12,346,766,430,000	13,269,603,970,000
<b>6.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>007</b>		<b>10,663,501,630,000</b>	<b>11,763,352,280,000</b>
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		977,661,910,000	1,271,769,300,000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		8,050,426,750,000	8,854,342,330,000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1,635,412,970,000	1,637,240,650,000
6.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		-	-
<b>6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>012</b>		<b>156,074,680,000</b>	<b>179,044,560,000</b>
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		-	300,000,000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		155,429,680,000	173,199,560,000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015		645,000,000	5,545,000,000
6.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	016		-	-
<b>6.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>017</b>		<b>675,969,260,000</b>	<b>646,344,340,000</b>
6.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		-	-
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		675,969,260,000	646,344,340,000
6.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	020		-	-
6.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		-	-
<b>6.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>022</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		-	-
6.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	024		-	-
6.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	025		-	-
6.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		-	-
<b>6.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>027</b>		<b>240,887,600,000</b>	<b>169,698,350,000</b>
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		-	-
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		236,277,100,000	164,999,950,000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		4,610,500,000	4,698,400,000
6.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	031		-	-
<b>6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>032</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
6.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	033		-	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034		-	-
6.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	035		-	-
6.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	036		-	-
<b>6.7 Chứng khoán chờ giao dịch</b>	<b>037</b>		<b>610,333,260,000</b>	<b>511,164,440,000</b>
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		606,052,140,000	506,797,630,000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		4,281,120,000	4,366,810,000
6.7.4 Chứng khoán chờ giao dịch giao dịch của tổ chức khác	041		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</b>	<b>042</b>		-	-
6.8.1 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của thành viên lưu ký	043		-	-
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		-	-
6.8.3 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng nước ngoài	045		-	-
6.8.4 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay giao dịch của tổ chức khác	046		-	-
<b>6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	<b>047</b>			
<b>7 Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>		<b>1,328,546,060,000</b>	<b>839,705,300,000</b>
<b>Trong đó:</b>				
<b>7.1 Chứng khoán giao dịch</b>	<b>051</b>		<b>1,318,215,310,000</b>	<b>794,415,700,000</b>
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		9,483,160,000	9,482,930,000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		1,278,822,440,000	757,037,570,000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		29,909,710,000	27,895,200,000
7.1.4 Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		-	-
<b>7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</b>	<b>056</b>		<b>7,995,000,000</b>	<b>7,995,000,000</b>
7.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	057		1,000,000,000	1,000,000,000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		6,995,000,000	6,995,000,000
7.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	059		-	-
7.2.4 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	060		-	-
<b>7.3 Chứng khoán cầm cố</b>	<b>061</b>		-	<b>32,580,440,000</b>
7.3.1 Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	062		-	-
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063		-	32,580,440,000
7.3.3 Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	064		-	-
7.3.4 Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	065		-	-
<b>7.4 Chứng khoán tạm giữ</b>	<b>066</b>		-	-
7.4.1 Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	067		-	-
7.4.2 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng trong nước	068		-	-
7.4.3 Chứng khoán tạm giữ của khách hàng nước ngoài	069		-	-
7.4.4 Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	070		-	-
<b>7.5 Chứng khoán chờ thanh toán</b>	<b>071</b>		<b>2,335,750,000</b>	<b>4,714,160,000</b>
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072		-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		2,335,750,000	4,714,160,000
7.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	074		-	-
7.5.4 Chứng khoán chờ thanh toán giao dịch của tổ chức khác	075		-	-
<b>7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút</b>	<b>076</b>		-	-
7.6.1 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của thành viên lưu ký	077		-	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078		-	-
7.6.3 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng nước ngoài	079		-	-
7.6.4 Chứng khoán phong tỏa chờ rút giao dịch của tổ chức khác	080		-	-
<b>7.7 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch</b>	<b>081</b>		-	-
<b>8 Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng</b>	<b>082</b>		-	-
<b>9 Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>	<b>083</b>		-	-
<b>10 Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá</b>	<b>084</b>		-	-

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế toán Trưởng

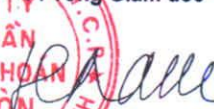


Hoàng Thị Minh Thuý

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013



P. Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồng Nam

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

1	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	QUÝ 1		LUY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1	<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>166,728,714,719</b>	<b>164,423,899,082</b>	<b>166,728,714,719</b>	<b>164,423,899,082</b>
	<i>Trong đó:</i>					
	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	33,887,714,264	28,640,249,901	33,887,714,264	28,640,249,901
	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	33,176,677,833	41,632,569,273	33,176,677,833	41,632,569,273
	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	-	-	-	-
	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4	-	5,061,000	-	5,061,000
	Doanh thu quản lý danh mục đầu tư của công ty Quản lý quỹ		118,088,682	6,946,130,028	118,088,682	6,946,130,028
	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	2,109,553,261	9,700,665,577	2,109,553,261	9,700,665,577
	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	1,115,492,074	1,173,427,077	1,115,492,074	1,173,427,077
	Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7	-	-	-	-
	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8	2,038,236,207	2,370,151,848	2,038,236,207	2,370,151,848
	Doanh thu khác	01.9	94,282,952,398	73,955,644,378	94,282,952,398	73,955,644,378
2	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		-	-	-
3	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>166,728,714,719</b>	<b>164,423,899,082</b>	<b>166,728,714,719</b>	<b>164,423,899,082</b>
4	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>64,297,245,708</b>	<b>1,361,313,236</b>	<b>64,297,245,708</b>	<b>1,361,313,236</b>
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	11.1	125,412,258,553	164,830,375,916	125,412,258,553	164,830,375,916
	Chi phí dự phòng chứng khoán	11.2	(61,115,012,846)	(163,469,062,680)	(61,115,012,846)	(163,469,062,680)
5	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>102,431,469,011</b>	<b>163,062,585,846</b>	<b>102,431,469,011</b>	<b>163,062,585,846</b>
6	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>	<b>2,487,739,178</b>	<b>1,968,339,964</b>	<b>2,487,739,178</b>	<b>1,968,339,964</b>
7	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>	<b>99,943,729,833</b>	<b>161,094,245,882</b>	<b>99,943,729,833</b>	<b>161,094,245,882</b>
8	<b>Thu nhập khác</b>	<b>31</b>	<b>16,359,813,903</b>	<b>1,511,801,351</b>	<b>16,359,813,903</b>	<b>1,511,801,351</b>
9	<b>Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>496,494,000</b>		<b>496,494,000</b>
10	<b>Lợi nhuận khác ( 40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>16,359,813,903</b>	<b>1,015,307,351</b>	<b>16,359,813,903</b>	<b>1,015,307,351</b>
11	<b>Lợi nhuận từ các công ty liên kết</b>	<b>50</b>	<b>71,382,903,533</b>	<b>43,019,072,715</b>	<b>71,382,903,533</b>	<b>43,019,072,715</b>
12	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)</b>	<b>60</b>	<b>187,686,447,269</b>	<b>205,128,625,948</b>	<b>187,686,447,269</b>	<b>205,128,625,948</b>
13	<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>61</b>	<b>37,355,805,931</b>	<b>36,364,203,640</b>	<b>37,355,805,931</b>	<b>36,364,203,640</b>
14	<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>62</b>	<b>(9,731,795,153)</b>	<b>(16,442,509,740)</b>	<b>(9,731,795,153)</b>	<b>(16,442,509,740)</b>
15	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN ( 70=60-61-62)</b>	<b>70</b>	<b>160,062,436,492</b>	<b>185,206,932,048</b>	<b>160,062,436,492</b>	<b>185,206,932,048</b>
15.1	<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số</b>		<b>(427,518,067)</b>	<b>101,243,608</b>	<b>(427,518,067)</b>	<b>101,243,608</b>
15.2	<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ</b>		<b>160,489,954,559</b>	<b>185,105,688,440</b>	<b>160,489,954,559</b>	<b>185,105,688,440</b>
16	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>80</b>				

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013  
 P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Hồng Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Ban hành theo T. Tư số 95/2008 /TT -BTC

ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính

Sửa đổi theo Thông tư số 162/2010 /TT -BTC

ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy Kế Từ Đầu Năm Đến Cuối Quý Năm	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>187,686,447,269</b>	<b>205,128,625,948</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>		<b>(139,587,438,084)</b>	<b>(191,159,456,085)</b>
- Khấu hao tài sản cố định	02	6,846,599,618	9,135,657,577
- Các khoản lập dự phòng	03	(61,115,012,846)	(163,469,062,680)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi lỗ hoạt động đầu tư	05	(87,680,110,927)	(36,826,050,982)
- Chi phí lãi vay	06	2,361,086,071	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>48,099,009,185</b>	<b>13,969,169,863</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(134,047,073,485)	(216,712,604,138)
- Tăng, giảm tồn kho, chứng khoán ngắn hạn	10	375,009,078,610	(300,099,756,906)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	491,196,876,634	632,361,006,586
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(761,053,606)	1,260,537,767
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,715,534,314)	(6,470,621)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9,820,919,352)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	3,149,811,281
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(8,842,753,163)	(13,334,535,497)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>758,117,630,509</b>	<b>120,587,158,335</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2,529,694,320)	(727,041,551)
2. Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	1,473,942,424
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(20,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của đơn vị khác	26	25,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	27	(80,106,461,876)	(100,768,667,942)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28	82,468,567,996	157,866,340,499
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	29	20,114,466,866	29,583,028,306
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>24,946,878,666</b>	<b>87,427,601,737</b>

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15,854,880,000	-
2. Nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số		-	-
3. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
4. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33	740,995,512,302	-
5. Trả lại vốn ủy thác cho người ủy thác đầu tư	34	(937,621,638,243)	-
6. Tiền chi trả nợ gốc vay	35	-	-
7. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	36	-	-
8. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	37	-	(36,543,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(180,771,245,941)</b>	<b>(36,543,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>602,293,263,233</b>	<b>207,978,217,073</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>1,947,090,450,982</b>	<b>1,945,764,811,547</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>2,549,383,714,215</b>	<b>2,153,743,028,620</b>

Người Lập Biểu

Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng

Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013



Nguyễn Hồng Nam



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

<b>CHỈ TIÊU - Quý 1- Năm 2013</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	11,832,000,000		3,537,949,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	4,022,880,000		344,944,356,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		(2,605,677,770)	105,036,079	484,180,521	(2,984,822,212)
4. Cổ phiếu quỹ		(89,246,186,000)			(89,246,186,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản					-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
7. Quỹ đầu tư, phát triển					-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436			289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu					-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,127,002,833,821	160,489,954,559	709,407,304	1,286,783,381,076
<b>Cộng</b>		<b>5,191,573,047,865</b>	<b>176,449,870,638</b>	<b>1,193,587,825</b>	<b>5,366,829,330,678</b>

<b>CHỈ TIÊU - Quý 1- Năm 2012</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		3,526,117,420,000	-	-	3,526,117,420,000
2. Thặng dư vốn cổ phần		340,921,476,378	-	-	340,921,476,378
3. Vốn khác của chủ sở hữu		383,614,879	-	301,266,161	82,348,718
4. Cổ phiếu quỹ		(88,591,286,000)	-	-	(88,591,286,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư, phát triển		-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		289,383,181,436	-	-	289,383,181,436
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1,012,450,891,924	185,105,688,440	182,594,263	1,197,373,986,101
<b>Cộng</b>		<b>5,080,665,298,617</b>	<b>185,105,688,440</b>	<b>483,860,424</b>	<b>5,265,287,126,633</b>

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Tổng Giám Đốc  
  
  
 Nguyễn Hồng Nam

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất**

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2013 (hợp nhất) của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (gọi tắt là Công ty).

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy phép hoạt động số 3041/GP-UB do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 056679, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty được cấp giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 03/2000/GPHDKD, do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 04 năm 2000 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh tiếp theo.

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư.

4. **Tổng số nhân viên** : 386

#### **5. Công ty con :**

Tại ngày 31/03/2013, Công ty có 3 công ty con được hợp nhất:

- **Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI** được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007.

+ Ngành hoạt động : Quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư .

+ Vốn điều lệ : 30 tỷ đồng (sở hữu 100%)

- **Quỹ đầu tư thành viên SSI** được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư của Quỹ: đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản

+ Vốn điều lệ: 390 tỷ đồng (sở hữu 80%)

+ Thời gian hoạt động của quỹ: 31 năm

- **Công ty Quốc tế SSI (SSI International Corp.)** được thành lập ngày 27/08/2009 theo số đăng ký SRV 090813396 – 4724807 tại Bang Delaware, Mỹ và theo Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 249/BKH-ĐTRNN-ĐC1 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 31/08/2010

+ Mục tiêu và lĩnh vực đầu tư: đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ

+ Vốn đầu tư: tối đa 18,5 triệu USD. Tỷ lệ sở hữu của Công ty là 80% vốn, và là sở hữu gián tiếp thông qua Quỹ đầu tư thành viên SSI.

+ Thời gian hoạt động: 30 năm

#### **6. Công ty liên kết:**

Tại ngày 31/03/2013 Công ty có 11 công ty liên kết gián tiếp được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

##### **Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến tre (ABT):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến tre là 122.888.175.825 đồng, chiếm 24,95% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ABT và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/9/2011. Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến tre là doanh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ABT là 136.072.070.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Chế biến xuất khẩu thủy sản, nhập khẩu vật tư hàng hóa, nuôi trồng thủy sản, kinh doanh nhà hàng và dịch vụ.

### **Công ty CP Hùng Vương (HVG):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Hùng Vương là 390.894.771.116 đồng, chiếm 20.01% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của HVG và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Hùng Vương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của HVG là 791.976.690.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu thủy sản, Sản xuất thức ăn (thủy sản, chăn nuôi), kinh doanh kho lạnh.

### **Công ty CP Xuyên Thái Bình (PAN):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Xuyên Thái Bình là 78.492.602.086 đồng, chiếm 20.22% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của PAN và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2011. Công ty CP Xuyên Thái Bình là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của PAN là 200.500.000.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Mua bán nhà ở, nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chờ khách đi tham quan, du lịch. Cho thuê xe ô tô; Hoạt động xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải công nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Dịch vụ sửa chữa nhà; dịch vụ chống mối mọt, diệt côn trùng; Dịch vụ trang trí nhà cửa, phong cảnh, vườn cảnh, non bộ công viên, vườn thú; Dịch vụ quản lý nhà cao tầng, căn hộ; Mua bán thiết bị vệ sinh công nghiệp; Mua bán quần áo; Đại lý kỹ gờ hàng hóa; Dịch vụ tin học: tư vấn lắp đặt phần cứng, phần mềm máy tính; Dịch vụ thương mại; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Đại lý phát hành sách báo có nội dung được phép lưu hành.

### **Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (GIL):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là 84.491.242.885 đồng, chiếm 23.41% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của GIL, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của GIL là 139.245.880.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư... Dịch vụ thương mại và cầm đồ, Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc, Hợp tác đầu tư lĩnh vực nhà hàng, khách sạn, du lịch.

### **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương (NSC):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Trung ương là 72.621.113.434 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của NSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Trung ương là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của NSC là 100.298.380.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, kinh doanh, XNK các loại giống cây trồng nông, lâm nghiệp, Sản xuất, kinh doanh, XNK các loại nông sản, vật tư thiết bị nông nghiệp, Chế biến, kinh doanh nông sản, Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ du lịch, Đại lý bán buôn bán lẻ hàng hóa và kinh doanh xăng dầu.

### **Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là 94.206.176.391 đồng, chiếm 20.07% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của SSC, và khoản đầu tư này đã trở thành khoản đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2012. Công ty CP Giống cây trồng Miền Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của SSC là 149.923.670.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, XNK giống cây trồng các loại, Sản xuất, kinh doanh, XNK nông sản, vật tư nông nghiệp, Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, XNK các loại

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

máy móc thiết bị chế biến hạt giống và nông sản, Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

### **CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An (LAF):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là 44.497.769.843 đồng, chiếm 20.02% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của LAF và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 30/6/2012. Công ty CP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của LAF là 147.280.190.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, xuất khẩu hạt điều và các sản phẩm chế biến từ hạt điều.

### **CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông (ELC):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là 200.600.757.738 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của ELC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của ELC là 366.249.090.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, lắp ráp các sản phẩm điện tử - tin học; Đại lý mua bán, kỹ gửi hàng hóa; Các dịch vụ khoa học kỹ thuật; Lắp ráp, bảo dưỡng các thiết bị viễn thông, tổng đài điện thoại thuê bao dung lượng nhỏ, thiết bị phụ trợ, nguồn điện, lắp đặt các thiết bị truyền dẫn cho các tuyến Viba và mạng cáp thông tin; Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao; Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử - viễn thông; Cung cấp và khai thác cơ sở dữ liệu, dịch vụ lưu trữ và xử lý dữ liệu; Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị điện, điện tử, viễn thông, thiết bị khoa học; Dịch vụ quảng cáo; Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông; Đại lý kinh doanh dịch vụ internet; Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí; Đầu tư phát triển chăn nuôi, trồng trọt và khu du lịch sinh thái; Mua bán, sản xuất các thiết bị báo cháy, thiết bị báo trộm...

### **CTCP Transimex-Saigon (TMS):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Transimex-Saigon là 96.644.837.506 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của TMS và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/12/2012. Công ty CP Transimex-Saigon là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của TMS là 230.738.240.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu đường biển, đường hàng không và đường bộ. Đại lý hàng hải và môi giới tàu biển, dịch vụ thủ tục hải quan. Kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan, kho thu gom đóng gói hàng lẻ CFS, điểm thông quan nội địa ICD. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu và công cộng bằng đường bộ.

### **CTCP Bibica (BBC):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Bibica là 51.491.628.799 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của BBC và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Bibica là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của BBC là 154.207.820.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bánh kẹo, xuất khẩu các sản phẩm bánh kẹo và các hàng hoá khác.

### **CTCP Khử Trùng Việt Nam (VFG):**

Tại thời điểm ngày 31/03/2013 **khoản đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp** (đầu tư của công ty con) của Công ty vào Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là 97.658.069.943 đồng, chiếm 20.00% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của VFG và khoản đầu tư này trở thành đầu tư vào công ty liên kết từ thời điểm 31/03/2013. Công ty CP Khử Trùng Việt Nam là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại của VFG là 132.827.530.000 đồng, ngành nghề kinh doanh là: Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, mua bán các loại thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác. Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Cho thuê văn phòng, kho bãi. Dịch vụ chống mối mọt. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư.

### 7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

*Giải thích kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của quý 1/2013 so với cùng kỳ năm trước:*

Lợi nhuận sau thuế quý 1/2013 của công ty là **160.489.954.559** đồng, giảm 13.3% so với quý 1/2012 (quý 1/2012 là **185.105.688.440** đồng) do nguyên nhân sau: Mặc dù doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán, doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ và doanh thu lãi tiền gửi tăng hơn so với cùng kỳ năm trước làm tổng doanh thu Q1/2013 tăng 1.4% so với Quý 1/2012 nhưng khoản hoàn nhập dự phòng Quý 1/2013 lại giảm 63% so với hoàn nhập dự phòng của Quý 1/2012.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở hợp nhất.**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày thành lập, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

##### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

##### **4. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### **5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 6. Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Bất động sản đầu tư	27,5 năm

### 7. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

### 8. Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

*Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn*

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản cổ tức bằng tiền và trái tức nhận được trong kỳ được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

*Dự phòng giảm giá chứng khoán*

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết, hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31 tháng 03 năm 2013 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 03 năm 2013.

### 9. Đầu tư vào các công ty, quỹ đầu tư trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể ( Công ty liên kết)

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu trở lên ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

#### **Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian ba (03) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

#### **10. Các hợp đồng mua và bán lại**

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản, hoặc chi phí, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả, chờ kết chuyển và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

#### **11. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **12. Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn sáu tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### **13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **14. Cổ phiếu ngân quỹ**



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam sẽ phân chia theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

### 16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

#### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Công ty được xác lập.

#### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

#### Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

#### 18. Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	100% vốn điều lệ
Quỹ Dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

	<i>Môi giới và dịch vụ khách hàng</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>				
		<i>Tự doanh</i>	<i>Kinh doanh nguồn vốn</i>	<i>Quản lý danh mục</i>	<i>Ngân hàng đầu tư và khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<i>Quý 1 Năm 2013</i>						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	50.299.549.068	104.559.581.367	95.268.398.557	118.088.683	4.147.789.512	254.393.407.187
2. Các chi phí trực tiếp	12.023.421.948	(44.172.267.498)	39.559.042.128	452.425.983	469.795.266	8.332.417.827
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	35.630.101.335	5.568.044.467	3.448.465.304	7.093.516.314	6.634.414.670	58.374.542.090
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế</b>	<b>2.646.025.785</b>	<b>143.163.804.397</b>	<b>52.260.891.125</b>	<b>(7.427.853.614)</b>	<b>(2.956.420.424)</b>	<b>187.686.447.269</b>
<i>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013</i>						
1. Tài sản bộ phận	1.199.220.187.922	3.628.249.918.048	3.255.661.235.048	-	1.945.103.693	8.085.076.444.711
2. Tài sản phân bổ	120.002.567.776	10.693.298.119	2.970.360.589	16.634.019.296	14.257.730.825	164.557.976.604
3. Tài sản không phân bổ						201.191.993.700
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.319.222.755.698</b>	<b>3.638.943.216.167</b>	<b>3.258.631.595.637</b>	<b>16.634.019.296</b>	<b>16.202.834.518</b>	<b>8.450.826.415.015</b>
1. Nợ phải trả bộ phận	858.755.467.333	102.968.015.633	1.899.699.335.854	-	5.740.860.389	2.867.163.679.209
2. Nợ phân bổ	48.316.463.910	4.305.427.477	1.195.952.077	6.697.331.631	5.740.569.970	66.255.745.065
3. Nợ không phân bổ						67.306.008.807
<b>Tổng công nợ</b>	<b>907.071.931.243</b>	<b>107.273.443.110</b>	<b>1.900.895.287.931</b>	<b>6.697.331.631</b>	<b>11.481.430.359</b>	<b>3.000.725.433.081</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****VI. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. Tiền và tương đương tiền (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	292.791.498	157.236.602
Tiền gửi ngân hàng	963.090.922.717	806.703.214.384
<i>Trong đó :</i>		
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	820.050.893.489	695.231.794.713
Các khoản tương đương tiền	1.586.000.000.000	1.140.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.549.383.714.215</b>	<b>1.947.090.450.986</b>

**2. Tình hình đầu tư tài chính (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số lượng (CK)	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>					
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>43.901.883</b>	<b>635.330.236.665</b>	-	<b>(168.373.505.810)</b>	<b>466.956.730.855</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	32.041.304	447.202.610.061		(114.052.234.760)	333.150.375.301
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	11.860.579	188.127.626.604		(54.321.271.050)	133.806.355.554
<i>Trái phiếu</i>	-	-		-	-
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	<b>1.254.000.000.000</b>	-	-	<b>1.254.000.000.000</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.254.000.000.000	-	-	1.254.000.000.000
<b>III. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>20.672.387</b>	<b>954.085.712.045</b>	-	<b>(52.680.793.310)</b>	<b>901.404.918.734</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	20.672.387	954.085.712.045	-	(52.680.793.310)	901.404.918.734
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	6.741.720	167.971.270.532		(23.683.526.682)	144.287.743.849
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	7.750.632	131.989.207.171		(28.997.266.628)	102.991.940.543
<i>Trái phiếu</i>	6.180.035	654.125.234.342		-	654.125.234.342
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>IV. Đầu tư góp vốn</b>	<b>51.073.358</b>	<b>1.455.229.548.436</b>	-	-	<b>1.455.229.548.436</b>
- Vốn góp liên doanh, liên kết	51.073.358	1.455.229.548.436	-	-	1.455.229.548.436
<b>V. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>12.673.997</b>	<b>548.616.990.000</b>		<b>(95.056.316.200)</b>	<b>453.560.673.800</b>
- Đầu tư dài hạn khác	12.673.997	548.616.990.000		(95.056.316.200)	453.560.673.800
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>					
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>34.662.506</b>	<b>589.163.797.288</b>	-	<b>(194.353.925.229)</b>	<b>394.809.872.059</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	30.793.624	477.229.343.418		(147.309.314.210)	329.920.029.208
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.743.882	99.434.453.870		(47.044.611.019)	52.389.842.851
<i>Trái phiếu</i>	125.000	12.500.000.000		-	12.500.000.000
<b>II. Đầu tư ngắn hạn khác</b>	-	<b>1.703.000.000.000</b>	-	-	<b>1.703.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	-	1.703.000.000.000	-	-	1.703.000.000.000
<b>III. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>24.290.220</b>	<b>1.056.730.351.972</b>	-	<b>(82.059.042.586)</b>	<b>974.671.309.386</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	24.290.220	1.056.730.351.972	-	(82.059.042.586)	974.671.309.386
Cổ phiếu niêm yết	10.234.553	258.115.910.459	-	(53.348.175.958)	204.767.734.501
Cổ phiếu chưa niêm yết	7.750.632	131.989.207.171	-	(28.710.866.628)	103.278.340.543
Trái phiếu	6.305.035	666.625.234.342	-	-	666.625.234.342
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
<b>IV. Đầu tư góp vốn</b>	<b>43.612.363</b>	<b>1.216.460.435.650</b>	-	-	<b>1.216.460.435.650</b>
- Vốn góp liên doanh, liên kết	43.612.363	1.216.460.435.650	-	-	1.216.460.435.650
<b>V. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>12.666.999</b>	<b>548.616.990.000</b>	-	<b>(93.178.900.000)</b>	<b>455.438.090.000</b>
- Đầu tư dài hạn khác	12.666.999	548.616.990.000	-	(93.178.900.000)	455.438.090.000

**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn cuối kỳ:**

Chi tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
SVC	2.335.442	48.769.406.947	(20.510.558.747)	28.258.848.200
FPT	252.630	10.017.863.546	(508.878.327)	9.508.985.219
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.338.473.600)	2.844.256.400
VHL	1.244.939	21.801.196.622	(3.127.111.622)	18.674.085.000
VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(37.906.937.241)	86.780.125.000
TMT	2.500.238	65.813.021.526	(50.295.804.241)	15.517.217.285
Cổ phiếu khác	18.571	546.955.480	(364.470.982)	182.484.500
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>20.996.343</b>	<b>275.818.236.362</b>	<b>(114.052.234.760)</b>	<b>161.766.001.604</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Phân Lân Nung Cháy Văn Điển	2.545.971	63.547.657.757	(43.179.889.757)	20.367.768.000
Công ty CP Đầu tư Kim Tụ Tháp	250.706	4.148.237.000	(1.891.883.000)	2.256.354.000
Công ty CP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.718)	2.148.140.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.866	117.720.575	(107.689.575)	10.031.000
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.425.313</b>	<b>80.595.514.050</b>	<b>(54.321.271.050)</b>	<b>26.274.243.000</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.421.656</b>	<b>356.413.750.412</b>	<b>(168.373.505.810)</b>	<b>188.040.244.604</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
VHL	1.244.939	21.801.196.622	(8.978.324.923)	12.822.871.699

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

VFMVF4	14.226.250	124.687.062.241	(62.091.562.241)	62.595.500.000
DAC	47.366	2.251.325.570	(1.540.835.570)	710.490.000
SVC	2.345.442	48.978.224.783	(17.080.213.584)	31.898.011.199
NSP	418.273	4.182.730.000	(1.087.509.800)	3.095.220.200
TMT	2.500.238	65.813.021.526	(54.045.084.241)	11.767.937.285
Cổ phiếu khác	639.315	18.859.319.552	(2.485.783.851)	16.373.535.701
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>21.421.823</b>	<b>286.572.880.294</b>	<b>(147.309.314.210)</b>	<b>139.263.566.084</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
CTCP Đầu Tư Xây Dựng Delta AGF	200.000	2.000.000.000	(1.905.600.000)	94.400.000
CTCP Eden	199.650	4.650.000.000	(3.252.450.000)	1.397.550.000
CTCP Truyền thông VMG	714.000	23.205.000.000	(357.000.000)	22.848.000.000
CTCP Phân Lân Nung Chảy Vãn Điện	2.140.000	53.000.000.000	(35.880.000.000)	17.120.000.000
CTCP Descon	226.120	6.131.898.718	(3.983.758.719)	2.148.139.999
Công ty CP Đầu tư Kim Tỵ Tháp	190.000	3.268.000.000	(1.558.000.000)	1.710.000.000
CTCP Dược Viễn Đông-DVD	2.869	117.843.800	(107.802.300)	10.041.500
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>3.672.639</b>	<b>92.372.742.518</b>	<b>(47.044.611.019)</b>	<b>45.328.131.499</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.094.462</b>	<b>378.945.622.812</b>	<b>(194.353.925.229)</b>	<b>184.591.697.583</b>

**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán dài hạn cuối kỳ:**

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(7.848.873.864)	30.637.467.000
HAG	181.621	5.570.070.190	(648.141.090)	4.921.929.100
FPT	1.637.680	76.319.320.427	(14.415.016.427)	61.904.304.000
APC	2.265.690	23.428.395.299	(771.495.301)	22.656.899.998
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>5.219.712</b>	<b>143.804.126.780</b>	<b>(23.683.526.682)</b>	<b>120.120.600.098</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
- Công ty CP Kinh Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.826.400.000)	1.373.600.000
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp Descon	398.470	11.324.672.774	(7.539.207.774)	3.785.465.000
- Cty CP Việt Tin	629.900	6.654.826.400	(1.450.592.600)	5.204.233.800
- Cty Cp Địa Ốc An Lạc	3.750.000	37.500.000.000	(637.500.000)	36.862.500.000
- Công ty CP Khu du lịch Cát Bà	999.999	11.999.988.000	(3.545.996.454)	8.453.991.546
- CTCP Dịch vụ hàng hóa Nội Bài	49.160	2.686.480.000	(154.740.000)	2.531.740.000
- CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.156.225.000)	1.882.995.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- CTCP Đường Quảng Ngãi	214.564	11.801.020.000	(686.604.800)	11.114.415.200
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>6.974.233</b>	<b>100.206.207.174</b>	<b>(28.997.266.628)</b>	<b>71.208.940.546</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.193.945</b>	<b>244.010.333.954</b>	<b>(52.680.793.310)</b>	<b>191.329.540.644</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
<b>Chứng khoán sẵn sàng để bán</b>				
<b>Cổ phiếu niêm yết</b>				
HAG	1.670.741	56.935.268.206	(20.847.262.610)	36.088.005.596
PDN	1.134.721	38.486.340.864	(14.203.311.464)	24.283.029.400
FPT	1.498.500	70.720.795.792	(17.973.595.792)	52.747.200.000
APC	2.265.690	23.428.395.299	(318.357.299)	23.110.038.000
NET	183.500	7.070.398.793	(5.648.793)	7.064.750.000
<b>Cộng niêm yết</b>	<b>6.753.152</b>	<b>196.641.198.954</b>	<b>(53.348.175.958)</b>	<b>143.293.022.996</b>
<b>Cổ phiếu chưa niêm yết</b>				
Công ty CP Kính Viglacera Đáp Cầu	800.000	15.200.000.000	(13.540.000.000)	1.660.000.000
CTCP Công nghiệp Vĩnh Tường	132.140	3.039.220.000	(1.156.225.000)	1.882.995.000
Các cổ phiếu khác	5.418.492	81.966.987.174	(14.014.641.628)	67.952.345.546
<b>Cộng chưa niêm yết</b>	<b>6.350.632</b>	<b>100.206.207.174</b>	<b>(28.710.866.628)</b>	<b>71.495.340.546</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.103.784</b>	<b>296.847.406.128</b>	<b>(82.059.042.586)</b>	<b>214.788.363.542</b>

**Chi tiết dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn khác :**

Chỉ tiêu	Số lượng(CK)	Giá theo sổ kế toán	Giảm giá so với thị trường	Tổng theo giá thị trường
<b>Tại ngày 31/03/2013</b>				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	906.998	10.000.000.000	(2.653.316.200)	7.346.683.800
<b>Cộng</b>	<b>11.173.998</b>	<b>533.617.000.000</b>	<b>(95.056.316.200)</b>	<b>438.560.683.800</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>				
Công ty CP Cao Su Hoàng Anh	10.267.000	523.617.000.000	(92.403.000.000)	431.214.000.000
Công Ty CP XD VL và Đầu Tư Đại Việt	900.000	10.000.000.000	(775.900.000)	9.224.100.000
<b>Cộng</b>	<b>11.167.000</b>	<b>533.617.000.000</b>	<b>(93.178.900.000)</b>	<b>440.438.100.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Đầu tư vào công ty liên kết**

	Giá gốc của khoản đầu tư (VNĐ)	Số cuối kỳ (VNĐ)	Số đầu năm (VNĐ)	% biểu quyết của Công ty vào cuối kỳ	% sở hữu của Công ty vào cuối kỳ
Công ty CP XNK Thủy Hải Sản Bến Tre (*)	122.888.175.825	109.657.574.306	112.184.120.317	24.95%	23.96%
Công ty CP Hùng Vương	390.894.771.116	441.545.782.463	446.226.975.109	20.01%	20.01%
Công ty CP Xuyên Thái Bình	78.492.602.086	108.809.110.725	66.343.313.982	20.22%	20.00%
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh (**)	84.491.242.885	84.459.073.740	80.423.308.231	25.42%	25.37%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	72.621.113.434	72.892.589.349	71.161.019.956	20.00%	19.95%
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	94.206.176.391	87.807.907.946	89.591.299.060	20.07%	20.02%
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	44.497.769.843	33.260.506.030	35.042.388.806	20.02%	20.00%
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	200.600.757.738	188.875.808.708	200.600.757.738	20.00%	20.00%
CTCP Transimex-Saigon	96.644.837.506	120.046.528.550	114.887.252.451	20.00%	20.00%
CTCP Bibica	51.491.628.799	94.845.038.883	-	20.00%	20.00%
CTCP Khử Trùng VN	97.658.069.943	113.029.627.736	-	20.02%	20.00%
<b>Cộng</b>	<b>1.334.487.145.566</b>	<b>1.455.229.548.436</b>	<b>1.216.460.435.650</b>		

(\*) Tại ngày 31/3/2013 tỷ lệ biểu quyết ABT của Công ty mẹ và uỷ thác qua công ty con SSIAM là 19,98%, hợp nhất theo tỉ lệ biểu quyết tại Quỹ Đầu tư SSIIMF là 4,97%, tổng tỷ lệ biểu quyết là 24,95% cổ phiếu lưu hành.

(\*\*) Tại ngày 31/3/2013 tỷ lệ biểu quyết GIL của Công ty mẹ là 5,84%, uỷ thác qua công ty con SSIAM là 14,01%, hợp nhất theo tỉ lệ biểu quyết tại Quỹ Đầu tư SSIIMF là 0,17%, tổng tỷ lệ biểu quyết là 20,01% cổ phiếu lưu hành. Trên Báo cáo tài chính hợp nhất của GIL, phần cổ phiếu GIL do Công con của GIL mua lại được trình bày là cổ phiếu quỹ nên tỷ lệ biểu quyết của Công ty được tính lại thành 25,42% do số lượng cổ phiếu đang lưu hành giảm xuống khi trừ phần cổ phiếu Công ty con GIL mua lại theo cách trình bày của Báo cáo tài chính. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu đang lưu hành do Hose công bố không thay đổi do không tính số lượng cổ phiếu GIL do Công ty con của GIL mua lại là cổ phiếu quỹ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****4. Chi phí trả trước dài hạn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí tư vấn trả trước	5.016.928.274	6.898.276.376
Chi phí cải tạo văn phòng và công cụ dụng cụ	1.723.154.442	1.963.484.017
<b>Tổng Cộng</b>	<b>6,740,082,716</b>	<b>8.861.760.393</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	2.609.391.520	78.273.378.386	13.168.207.403	1.964.378.397	96.015.355.706
Tăng trong kỳ	-	30.000.000	-	17.600.000	47.600.000
Mua trong kỳ	-	30.000.000	-	17.600.000	47.600.000
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	2.609.391.520	78.303.378.386	13.168.207.403	1.981.978.397	96.062.955.706
<b>Giá trị hao mòn:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	1.753.649.765	58.501.766.148	9.914.015.713	1.751.576.383	71.921.008.009
Tăng trong kỳ	112.317.288	2.493.228.583	332.233.325	35.809.224	2.973.588.420
Khấu hao	112.317.288	2.493.228.583	332.233.325	35.809.224	2.973.588.420
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	1.865.967.053	60.994.994.731	10.246.249.038	1.787.385.607	74.894.596.429
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	855.741.755	19.771.612.238	3.254.191.690	212.802.014	24.094.347.697
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	743.424.467	17.308.383.655	2.921.958.365	194.592.790	21.168.359.277

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****6. Bất động sản đầu tư: (đơn vị tính: VNĐ)**

Đây là giá trị các toà nhà mà Công ty Quốc tế SSI đã mua tại Mỹ với mục đích cho thuê

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên Giá	283.612.736.520	283.612.736.520
Khấu hao	16.401.506.319	14.265.620.743
Giá trị còn lại	267.211.230.201	269.347.115.777

**7. Tài sản cố định vô hình (đơn vị tính: VNĐ)**

Khoản mục	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	44.949.378.591	109.671.558.000	1.656.576.688	156.277.513.279
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	44.949.378.591	109.671.558.000	1.656.576.688	156.277.513.279
<b>Hao mòn lũy kế:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	33.524.372.300	-	1.595.395.896	35.119.768.196
Tăng trong kỳ	1.726.795.398	-	10.330.224	1.737.125.622
Khấu hao	1.726.795.398	-	10.330.224	1.737.125.622
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	35.251.167.698	-	1.605.726.120	36.856.893.818
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	11.425.006.291	109.671.558.000	61.180.792	121.157.745.083
Ngày 31 tháng 03 năm 2013	9.698.210.893	109.671.558.000	50.850.568	119.420.619.461

**8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán (đơn vị tính: VNĐ)**

Tiền nộp ban đầu và bổ sung hàng năm	13.401.458.145
Tiền lãi phân bổ hàng năm	4.081.453.651
<b>Tổng Cộng</b>	<b>17.482.911.796</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Các khoản phải thu (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Phải thu khách hàng</b>	<b>424.177.563.652</b>	<b>500.024.123.162</b>
- Phải thu KH về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	1.300.000.000	1.300.000.000
- Phải thu KH về nghiệp vụ giao dịch ký quỹ	338.340.299.652	185.273.928.623
- Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư	19.271.696.381	203.554.006.741
- Phải thu phí tư vấn	2.378.403.693	34.703.719.489
- Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ	214.300.820	96.212.146
- Phải thu trái phiếu Vinashin và giá trị chứng khoán còn lại của Quỹ Tầm nhìn	62.315.341.684	74.593.307.741
- Phải thu khác	357.521.422	502.948.422
<b>2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</b>	<b>111.485.566</b>	<b>7.317.649.764</b>
- Phải thu Sở giao dịch		7.269.138.572
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	111.485.566	48.511.192
<b>3. Phải thu khác</b>	<b>498.477.479.718</b>	<b>339.346.884.820</b>
- Phải thu tổ chức phát hành	79.689.249.606	44.600.956.072
- Lãi tiền gửi ngân hàng	15.661.235.048	19.567.552.410
- Phải thu lãi SP tài chính và kinh doanh vốn	212.694.441	150.944.442
- Phải thu hợp đồng môi giới trái phiếu- tiền cọc	400.000.000.000	272.100.000.000
- Phải thu khác	2.914.300.623	2.927.431.896

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn (*)	-	90.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng (**)	161.101.895.136	267.728.021.077
<b>Tổng cộng</b>	<b>161.101.895.136</b>	<b>357.728.021.077</b>

(\*) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam

(\*\*) Đây là khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam ("BIDV") tỷ lệ lãi suất thực áp dụng cho các khoản vay thấu chi ngân hàng từ 10.5% đến 10.8%, chi tiết:

Số đầu năm	<b>267.728.021.077</b>
Phát sinh tăng	740.995.512.302
Phát sinh giảm	847.621.638.243
Số cuối kỳ	<b>161.101.895.136</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Ứng trước cho người bán (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Ứng trước cho người bán	6.681.570.506	4.092.973.299

**12. Dự phòng phải thu khó đòi (đơn vị tính: VNĐ)**

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu gốc và lãi Trái phiếu Vinashin	(56.934.246.575)	(56.934.246.575)
Dự phòng phải thu khác	(1.616.828.706)	(9.250.589.059)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(58.551.075.281)</b>	<b>(66.184.835.634)</b>

**13. Các khoản chi phí phải trả (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả SGDCK & TTLKCK	2.398.509.295	2.183.598.269
Chi phí lãi hợp đồng bán và cam kết mua lại chứng khoán, hợp đồng hợp tác kinh doanh phải trả, hợp đồng đặt cọc trái phiếu	8.409.554.248	3.061.382.759
Chi phí đào tạo, hội thảo, tư vấn	525.000.000	425.000.000
Phải trả khác	2.910.441.866	3.513.809.517
<b>Tổng Cộng</b>	<b>14.243.505.409</b>	<b>9.183.790.545</b>

**14. Người mua ứng trước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khoản ứng trước phí tư vấn của khách hàng	4.351.673.750	4.040.373.750
Khoản ứng trước tiền mua chứng khoán	95.009.400.000	95.009.400.000
<b>Cộng</b>	<b>99.361.073.750</b>	<b>99.049.773.750</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (đơn vị tính: VNĐ)**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế Giá trị gia tăng	84.348.028	5.269.593.349
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.154.620.205	9.111.512.048
Thuế Thu nhập cá nhân	1.121.507.715	3.079.650.025
Thuế Thu nhập cá nhân nộp hộ	1.473.360.225	409.429.587
Các loại thuế khác	1.282.710.539	848.665.436
<b>Cộng</b>	<b>41.116.546.712</b>	<b>18.718.850.445</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Bảng ước tính thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành Quý 1/2013:**

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<b>187.686.447.269</b>
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>	
- Các khoản thu nhập cổ tức không chịu thuế	(6.223.244.320)
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31/12/2012	(177.751.666.705)
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết 31/03/2013	179.558.382.584
- DP phải thu kỳó đòi - TP Vinashin	(12.000.000.000)
- Lợi nhuận các công ty con	1.341.250.709
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	(71.382.903.533)
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty liên kết khi hợp nhất	47.390.214.858
Tổng lợi nhuận tính thuế theo thuế suất 25%	148.618.480.863
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp Quý 1 năm 2013 công ty mẹ</i>	<i>37.154.620.205</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp Quý 1 năm 2013 công ty con</i>	<i>201.185.726</i>
<b>Tổng cộng thuế TNDN ước tính phải nộp Quý 1 năm 2013</b>	<b>37.355.805.930</b>

**16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ):**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	804.543.424.394	672.221.482.487
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	46.700.231.000	239.504.169.800
<b>Cộng</b>	<b>851.243.655.394</b>	<b>911.725.652.287</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Các khoản phải trả, phải nộp khác (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	28.954.281	35.910.944
Hợp đồng mua bán chứng khoán	342.380.620.000	17.690.685.976
Phải trả HĐ Hợp tác kinh doanh		48.914.282.437
Phải trả cho khách hàng nước ngoài	1.065.450.092	1.065.450.092
Phải trả NĐT - kỳ quỹ ngắn hạn	1.387.665.858.147	1.114.504.309.449
Các khoản khác	2.935.353.061	7.577.464.209
<b>Tổng Cộng</b>	<b>1.734.076.235.581</b>	<b>1.189.788.103.107</b>

**18. Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu (đơn vị tính: VNĐ)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả cổ tức, trái tức cho cổ đông và trái chủ SSI	3.953.103.066	3.953.103.066
Phải trả hộ cổ tức và lãi trái phiếu	2.549.180.439	521.820.784
<b>Cộng</b>	<b>6.502.283.505</b>	<b>4.474.923.850</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****19. Vốn chủ sở hữu (đơn vị tính: VNĐ)**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu Quỹ	Quỹ dự trữ pháp định và dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>3.526.117.420.000</b>	<b>(2.605.677.770)</b>	<b>340.921.476.378</b>	<b>(89.246.186.000)</b>	<b>289.383.181.436</b>	<b>1.127.002.833.821</b>	<b>5.191.573.047.865</b>
Điều chỉnh lại thuế TNDN phải nộp theo quyết toán thuế năm 2012						(709.407.304)	(709.407.304)
Tăng vốn theo QĐ 26/2012/QĐ-CTHĐQT ngày 14/11/2012	11.832.000.000		4.022.880.000				15.854.880.000
Khoản chênh lệch phát sinh do công ty liên kết mua bán cổ phiếu quỹ, thay đổi cổ phiếu lưu hành		(379.144.442)					(379.144.442)
Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31.03.2013						160.489.954.559	160.489.954.559
<b>Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013</b>	<b>3.537.949.420.000</b>	<b>(2.984.822.212)</b>	<b>344.944.356.378</b>	<b>(89.246.186.000)</b>	<b>289.383.181.436</b>	<b>1.286.783.381.076</b>	<b>5.366.829.330.678</b>

Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM chấp thuận cho công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn mua lại 3.000.000 Cổ Phiếu SSI làm cổ phiếu quỹ theo Công văn số 2235/2010/SGDHCM-NY ngày 01/12/2010 và theo công văn số 434/2012/SGDHCM-NY ngày 14/3/2012 cho phép công ty mua lại cổ phiếu của cán bộ nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty và sửa lỗi giao dịch tổng cộng là 46.900 cổ phiếu. Đến thời điểm 31/03/2013 tổng cộng số lượng cổ phiếu quỹ là 3.046.900 cổ phiếu

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****20. Chi tiết doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Cổ tức	6.298.234.320	9.119.960.700
Trái tức	17.039.397.260	16.995.859.133
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	4.940.062.138	3.731.663.637
Doanh thu tự doanh từ UTDM tại SSIAM	3.929.984.115	11.294.713.469
Doanh thu hoạt động đầu tư khác	969.000.000	490.372.334
<b>Tổng cộng</b>	<b>33.176.677.833</b>	<b>41.632.569.273</b>

**21. Chi tiết doanh thu khác**

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Lãi tiền gửi	78.231.415.869	62.344.883.764
Doanh thu phí ứng trước	2.109.208.035	1.564.859.883
Doanh thu từ nghiệp vụ ký quỹ	13.130.998.333	3.710.006.789
Doanh thu khác	811.303.161	6.335.893.942
<b>Tổng cộng</b>	<b>94.282.952.398</b>	<b>73.955.644.378</b>

**22. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Chi phí môi giới chứng khoán	8.903.189.703	7.997.178.777
Chi phí tự doanh chứng khoán	16.942.745.347	77.396.781.842
Chi phí hoạt động tư vấn	-	313.050.000
Chi phí dự phòng	(61.115.012.846)	(163.469.062.680)
Chi phí vốn kinh doanh chứng khoán	39.405.198.585	16.829.946.028
<i>Chi phí lãi vay ngân hàng và mua bán lại trái phiếu chính phủ</i>	2.361.086.071	-
<i>Chi phí trả lãi tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư</i>	3.441.090.311	3.716.272.550
<i>Chi phí khác</i>	33.603.022.203	13.113.673.478
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	60.161.124.918	62.293.419.269
<i>Chi phí nhân viên</i>	33.112.647.221	32.870.811.355
<i>Chi phí vật liệu, VPP, công cụ</i>	510.560.277	660.061.762
<i>Chi phí khấu hao và phân bổ</i>	6.939.245.151	10.139.665.899
<i>Chi phí thuê văn phòng</i>	6.633.185.630	6.892.627.460
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>	12.457.361.388	11.384.333.725
<i>Chi phí khác</i>	508.125.251	345.919.068
<b>Tổng Cộng</b>	<b>64.297.245.708</b>	<b>1.361.313.236</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****23. Chi phí quản lý doanh nghiệp (đơn vị tính: VNĐ)**

	Quý 1/2013	Quý 1/2012
Chi phí nhân viên	2.404.132.928	1.900.108.514
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.606.250	83.606.250
Chi phí dịch vụ mua ngoài		(15.374.800)
<b>Tổng Cộng</b>	<b>2.487.739.178</b>	<b>1.968.339.964</b>

**24. Nghiệp vụ với các bên có liên quan trong quý 1/2013 (đơn vị tính: VNĐ)**

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty TNHH NDH Việt Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH
Công ty CP Đầu tư Bất động sản SSI	Công ty nhận vốn đầu tư và có Chủ tịch HĐQT là em của Chủ tịch HĐQT SSI
Công ty CP Xuyên Thái Bình	Tổng Giám đốc Công ty CP Xuyên Thái Bình là Trưởng Ban Kiểm soát của SSI Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản Bến Tre	Công ty liên kết
Công ty CP Hùng Vương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty liên kết
CTCP Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty liên kết
CTCP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn thông	Công ty liên kết
CTCP Transimex-Saigon	Công ty liên kết
CTCP Bibica	Công ty liên kết
CTCP Khử Trùng VN	Công ty liên kết
Daiwa Securities Group Inc	Cổ đồng chiến lược
Ngân Hàng ANZ	Cổ đồng chiến lược

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Các khoản phải thu**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải thu	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải thu
<b>Cty CP Đầu tư BĐS SSI</b>				
Góp vốn đầu tư	<b>14.999.990.000</b>			<b>14.999.990.000</b>
Phí dịch vụ	-	30.778.495	30.778.495	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	<b>272.100.000.000</b>	850.000.000.000	722.100.000.000	<b>400.000.000.000</b>
Lãi đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu		14.638.388.888	14.638.388.888	-
<b>Cty TNHH NDH Việt Nam</b>				
Phí dịch vụ	-	127.255.465	127.255.465	-
<b>Cty CP Xuyên Thái Bình</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>66.343.313.982</b>	42.465.796.743		<b>108.809.110.725</b>
Phí dịch vụ	-	132.405.013	132.405.013	-
Phí hợp đồng tư vấn	-	300.000.000	-	<b>300.000.000</b>
<b>NH ANZ Việt Nam</b>				
Tiền gửi của nhà đầu tư	<b>455.315.961</b>	430.021	348.154.228	<b>107.591.754</b>
Tiền gửi của công ty	<b>364.590.425</b>	5.727.495.655	5.374.572.222	<b>717.513.858</b>
<b>Cty CP Thủy sản Bến Tre</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>99.238.259.747</b>		677.137.358	<b>98.561.122.389</b>
Phí dịch vụ	-	26.560.847	26.560.847	-
<b>Cty CP Thủy sản Hùng Vương</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>445.144.762.326</b>	11.300.560.952	15.846.477.000	<b>440.598.846.278</b>
Phí dịch vụ	-	300.715.000	300.715.000	-
<b>Cty CP SX-KD-XNK Bình Thạnh</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>76.694.531.249</b>	4.450.074.109		<b>81.144.605.358</b>
<b>Cty CP Giống cây trồng Trung ương</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>53.011.669.524</b>	3.322.220.414	-	<b>56.333.889.938</b>
<b>Cty CP Giống cây trồng Miền Nam</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>53.753.712.881</b>	2.198.562.906	-	<b>55.952.275.787</b>
<b>Công ty CP chế biến hàng xuất khẩu Long An</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>16.245.094.201</b>	97.846.685	-	<b>16.342.940.886</b>
<b>Cty CP Kho vận Giao nhận Ngoại thương tp HCM (Transimex-Saigon)</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>114.887.252.451</b>	5.159.276.099	-	<b>120.046.528.550</b>
<b>Cty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ	<b>134.507.941.634</b>	1.108.132.645	7.325.347.000	<b>128.290.727.280</b>
<b>Cty CP Bibica</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ		94.845.038.883	-	<b>94.845.038.883</b>
<b>Cty CP Khử trùng Việt Nam</b>				
Góp vốn đầu tư theo phương pháp vốn chủ		113.029.627.736	-	<b>113.029.627.736</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Huệ - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Các khoản phải trả**

Công ty liên quan	Số đầu quý Phải trả	Tăng trong quý	Giảm trong quý	Số cuối quý Phải trả
<b>Cty CP Đầu tư BĐS SSI</b>				
Hợp tác kinh doanh	<b>35.255.470.023</b>		35.255.470.023	-
Lãi hợp tác kinh doanh	<b>429.029.173</b>	294.043.761	723.072.934	-
Đặt cọc môi giới mua bán trái phiếu	-	398.833.035.546	373.733.035.546	<b>25.100.000.000</b>
Lãi tiền đặt cọc môi giới	-	965.910.438	965.910.438	-
Tiền thuê mặt bằng	-	3.244.725.000	3.244.725.000	-
<b>Cty CP Thủy sản Hùng Vương</b>				
Ứng mua chứng khoán	<b>30.000.000.000</b>			<b>30.000.000.000</b>
<b>Cty CP Xuyên Thái Bình</b>				
Ứng mua chứng khoán	<b>50.100.000.000</b>			<b>50.100.000.000</b>
Chi phí thuê kho và dịch vụ	-	285.326.472	285.326.472	-
<b>Công ty TNHH Tư Vấn và đầu tư NDH Việt Nam</b>				
Hợp tác kinh doanh	<b>518.584.378</b>	-	518.584.378	-
Lãi hợp tác kinh doanh	<b>3.290.423</b>	212.285	3.502.708	-
Đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán		618.437.580	8.000.000	<b>610.437.580</b>
Lãi tiền đặt cọc môi giới mua bán chứng khoán		9.483.248	6.441.323	<b>3.041.925</b>
<b>Cty CP Thủy sản Bến Tre</b>				
Nhận cọc môi giới CK	-	18.800.000.000	18.800.000.000	-
Lãi nhận cọc môi giới CK	-	35.292.326	35.292.326	-

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong Quý 1/2013 là 2.582.230.000 đồng (bao gồm cả thuế Thu nhập cá nhân và các khoản bảo hiểm bắt buộc).

TPHCM, ngày 21 tháng 05 năm 2013

Người Lập Biểu



Dương Hữu Mùi

Kế Toán Trưởng



Hoàng Thị Minh Thủy

P. Tổng Giám Đốc




Nguyễn Hồng Nam